TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2019/QĐST-HNGĐ	*Vạn Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn , thỏa thuận việc nuôi con chung , chia tài sản chung sau khi ly hôn ", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà A - Sinh năm: 1981

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện N, tỉnh H;

- Ông B - Sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện N, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân : Bà A và ông B không đồng ý đoàn tụ với nhau và thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông B.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 (Ba) con chung C - Sinh ngày

20/6/2002; D - Sinh ngày 22/12/2006 và E - Sinh ngày 18/01/2015 đến trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà A và ông B có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung : Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà A tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006763 ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh. Bà A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- THADS huyện Vạn Ninh;
- UBND xã L;
(GCNKH số 103, ngày 24/9/2001)
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.
- Lưu: VT; AV.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Nguyệt